

BÀI 1**NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Hướng dẫn học**

Để học tốt bài này, học viên cần tham khảo các phương pháp học sau:

- Học đúng lịch trình của môn học theo tuần, làm các bài luyện tập đầy đủ và tham gia thảo luận trên diễn đàn.
- Đọc tài liệu:
 1. Khoa Luật, Đại học Kinh tế quốc dân, 2012. Giáo trình Pháp luật đại cương. Tái bản lần thứ 5, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
 2. Hiến pháp 1992, sửa đổi bổ sung năm 2001.
 3. Luật tổ chức Quốc hội 2001.
 4. Luật tổ chức Chính phủ 2001.
 5. Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2002.
 6. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2002.
 7. Luật tổ chức HĐND và UBND 2003.
 8. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008.
 9. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND 2004.
- Học viên làm việc theo nhóm và trao đổi với giảng viên trực tiếp tại lớp học hoặc qua email.
- Trang Web môn học.

Nội dung

Chương này giới thiệu với người học những vấn đề cơ bản về nhà nước, trong đó có sự ra đời của nhà nước, bản chất của nhà nước, các hình thức nhà nước. Sau khi giới thiệu những kiến thức cơ bản về nhà nước, bài này đề cập tới những vấn đề cơ bản của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như bản chất nhà nước, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các nguyên tắc về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Mục tiêu

- Giúp học viên nhận biết được khái quát về nguồn gốc, bản chất, kiểu và hình thức nhà nước nói chung;
- Giúp học viên nhận biết được khái quát về bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Giúp học viên nhận biết được khái quát về Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tình huống dẫn nhập

Tình huống 1:

Nhà nước là gì? Do con người hay thượng đế tạo ra? Có những kiểu nhà nước nào? Tại sao nhà nước này có vua, nhà nước khác lại có tổng thống?



- Để giải quyết các câu hỏi trên, cần làm rõ: Bản chất nhà nước, kiểu và hình thức nhà nước; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Tất cả những vấn đề này được nghiên cứu trong bài học này.

Tình huống 2:

Nhà nước Việt Nam hiện nay gồm những cơ quan nhà nước nào? Thủ tướng chính phủ có quyền cách chức Bộ trưởng không? Tổng bí thư có phải là đứng đầu bộ máy nhà nước ta hiện nay không?



- Để giải quyết các câu hỏi trên, cần làm rõ: Bản chất chức năng, tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Tất cả những vấn đề này được nghiên cứu trong bài học này.

1.1. Khái quát chung về nhà nước

1.1.1. Bản chất nhà nước

1.1.1.1. Xã hội cộng sản nguyên thủy - một xã hội chưa có nhà nước

Loài người đã trải qua năm hình thái kinh tế - xã hội: cộng sản nguyên thủy, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Thời kỳ cộng sản nguyên thủy chưa có nhà nước. Thời kỳ này, kết cấu xã hội gồm có các thị tộc, bào tộc, bộ lạc.



Thị tộc được hình thành từ những nhóm người sống quây quần với nhau trên một địa bàn lãnh thổ nhất định. Trong thị tộc, mọi người tương đối bình đẳng với nhau về phân công lao động và hưởng thụ thành quả lao động. Sự phát triển của xã hội cộng với các yếu tố tác động khác đòi hỏi thị tộc phải mở rộng quan hệ với

các thị tộc khác, dẫn đến sự xuất hiện các *bào tộc* và *bộ lạc*. Trong đó, bào tộc là sự liên kết của nhiều thị tộc, bộ lạc là sự liên kết của nhiều bào tộc.

Để quản lý thị tộc, các thành viên trong thị tộc đã lập ra *Hội đồng thị tộc* gồm tất cả những người đã trưởng thành. Để quản lý bào tộc, *Hội đồng bào tộc* được lập ra, gồm các tù trưởng, thủ lĩnh quân sự của các thị tộc thành viên. Để quản lý bộ lạc, *Hội đồng bộ lạc* được lập ra với nguyên tắc tổ chức quyền lực tương tự như thị tộc và bào tộc nhưng mức độ tập trung quyền lực cao hơn.

Như vậy, trong xã hội cộng sản nguyên thủy đã xuất hiện quyền lực nhưng đó là quyền lực xã hội xuất phát từ xã hội và phục vụ cho lợi ích của toàn xã hội.

1.1.1.2. Sự xuất hiện nhà nước và bản chất của nhà nước

Trải qua quá trình lao động, lực lượng sản xuất và năng suất lao động xã hội ngày càng phát triển làm xuất hiện những yếu tố mới trong xã hội, đồng thời làm tan rã hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy. Sau ba lần phân công lao động xã hội (chăn nuôi tách khỏi trồng trọt; thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp; thương nhân xuất hiện và hoạt động thương mại phát triển mạnh mẽ) chế độ tư hữu xuất hiện đã phân chia xã hội thành kẻ giàu, người nghèo, hình thành hai giai cấp cơ bản là chủ nô và nô lệ. Cùng với sự xuất hiện các giai cấp trong xã hội, mâu thuẫn giữa các tầng lớp, giai cấp cũng đã xuất hiện. Cùng với sự phát triển của xã hội, mâu thuẫn giữa các tầng lớp, giai cấp trong xã hội ngày càng phát triển, đến mức xã hội không thể điều hòa. Khi ấy, giai cấp thống trị - là giai cấp nắm về kinh tế trong xã hội - đã lập ra một tổ chức đặc biệt nhằm bảo vệ địa vị và quyền lợi của mình, duy trì sự bóc lột của mình với các tầng lớp giai cấp khác, đồng thời để thiết lập trật tự, ổn định cho xã hội. Tổ chức đặc biệt này được gọi là Nhà nước.



Nhà nước ra đời và tồn tại trong xã hội có giai cấp, do đó thể hiện bản chất giai cấp sâu sắc. Nhà nước do giai cấp thống trị lập ra, là công cụ sắc bén để bảo vệ địa vị và quyền lợi của giai cấp thống trị. Các nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến, nhà nước

tư sản, đều có bản chất chung là nhà nước bóc lột, nằm trong tay giai cấp chiếm thiểu số trong xã hội, thực hiện sự chuyên chính đối với toàn thể xã hội. Ngược lại, các nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước do nhân dân lập ra nhằm để củng cố địa vị lãnh đạo và bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, lực lượng chiếm đa số trong xã hội, trấn áp những lực lượng thống trị cũ đã bị lật đổ và những phần tử chống đối, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, bình đẳng.

Bên cạnh bản chất giai cấp sâu sắc, nhà nước còn thể hiện bản chất xã hội. Trong xã hội có giai cấp, nhà nước không chỉ bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị mà, ở một mức độ nhất định, còn bảo vệ những lợi ích chung của toàn xã hội.

1.1.1.3. Các đặc trưng cơ bản của nhà nước

Để thực hiện và bảo vệ lợi ích của mình, ngoài việc tổ chức ra nhà nước, giai cấp thống trị còn thành lập hoặc sử dụng các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. So với các tổ chức khác, nhà nước giữ vị trí trung tâm của hệ thống chính trị bởi chính các đặc điểm riêng có của nhà nước, gồm có:



- Thứ nhất, nhà nước thiết lập một quyền lực công đặc biệt. Để thực hiện quyền lực, nhà nước có đội ngũ công chức chuyên làm nhiệm vụ quản lý; họ được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước và hình thành một bộ máy cưỡng chế để duy trì địa vị của giai cấp thống trị.
- Thứ hai, nhà nước phân chia dân cư theo lãnh thổ, thành các đơn vị hành chính. Việc phân chia các đơn vị hành chính không phụ thuộc chính kiến, huyết thống, giới tính, nghề nghiệp v.v.
- Thứ ba, nhà nước có chủ quyền quốc gia. Chủ quyền quốc gia là quyền của người làm chủ quốc gia đối với quốc gia đó. Về nguyên tắc, chủ quyền quốc gia phải thuộc về toàn thể nhân dân, nhưng nhà nước sẽ đại diện để thực hiện quyền này. Chủ quyền quốc gia thể hiện quyền tự quyết của nhà nước về đối nội và đối ngoại, không phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài.
- Thứ tư, nhà nước ban hành pháp luật và thực hiện sự quản lý bằng pháp luật đối với toàn xã hội. Là người đại diện cho xã hội, nhà nước thực hiện sự quản lý xã hội bằng pháp luật - các quy định do nhà nước quy đặt ra và bắt buộc mọi người thực hiện.

1.1.1.4. Chức năng của nhà nước

Chức năng của nhà nước là phương diện hoạt động chủ yếu của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ đặt ra cho nhà nước.

Căn cứ vào phạm vi hoạt động, chức năng của nhà nước được chia thành chức năng đối nội và chức năng đối ngoại. Chức năng đối nội là những phương diện hoạt động chủ yếu trong nội bộ đất nước như: Thiết lập trật tự xã hội, trấn áp những phần tử chống đối, bảo vệ chế độ chính trị - xã hội, xây dựng và phát triển đất nước... Chức năng đối ngoại thể hiện những phương diện hoạt động của nhà nước trong quan hệ với các nhà nước trên thế giới, các tổ chức quốc tế và khu vực: Phòng thủ đất nước, chống sự xâm lược từ bên ngoài, thiết lập mối quan hệ đối ngoại với các quốc gia khác.

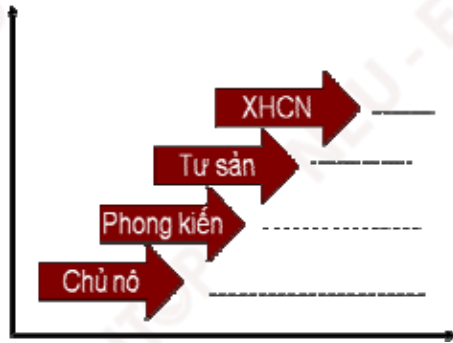
Để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình, nhà nước sử dụng nhiều hình thức và phương pháp hoạt động khác nhau. Các *hình thức hoạt động* chủ yếu của nhà nước là hoạt động lập pháp (xây dựng luật), hoạt động hành pháp (tổ chức thực hiện, thi hành pháp luật) và hoạt động tư pháp (bảo vệ pháp luật). Các *phương pháp* thực hiện chức năng của nhà nước rất đa dạng, nhưng nhìn chung, các nhà nước đều sử dụng hai phương pháp chủ yếu là *thuyết phục và cưỡng chế*. Chức năng, nhiệm vụ của nhà nước cũng như hình thức và phương pháp hoạt động của nó được thực hiện thông qua bộ máy nhà nước.



1.1.2. Kiểu và hình thức nhà nước

1.1.2.1. Kiểu nhà nước

Kiểu nhà nước là tổng thể các dấu hiệu cơ bản đặc thù của nhà nước, thể hiện bản chất và những điều kiện tồn tại và phát triển của nhà nước trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.



Lịch sử xã hội loài người đã trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội: Cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy chưa có nhà nước. Tương ứng với bốn hình thái kinh tế - xã hội có giai cấp là bốn kiểu nhà nước: kiểu nhà nước chủ nô, kiểu nhà nước phong kiến, kiểu nhà nước tư sản và kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Các kiểu nhà nước chủ nô, phong kiến, tư sản có đặc điểm chung là kiểu nhà nước bóc lột. Kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa có sứ mệnh lịch sử là xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

Cũng như sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội, sự thay thế kiểu nhà nước này bằng một kiểu nhà nước khác là một quá trình lịch sử tự nhiên. Đó là quá trình tất yếu khách quan, được thực hiện thông qua một cuộc cách mạng xã hội. Kiểu nhà nước sau bao giờ cũng tiến bộ và hoàn thiện hơn kiểu nhà nước trước nhưng vẫn có sự kế thừa nhất định.

1.1.2.2. Hình thức Nhà nước

Hình thức nhà nước là sự thể hiện cách thức tổ chức quyền lực nhà nước. Đó là cách thức tổ chức bộ máy nhà nước, trình tự thành lập các cơ quan nhà nước, xác định vị trí, vai trò của mỗi cơ quan nhà nước đối với việc thực hiện quyền lực chính trị, quy định mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau cũng như việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước trên phạm vi quốc gia và trên phạm vi từng vùng, từng địa phương của quốc gia đó.

Hình thức nhà nước bao gồm hai yếu tố chủ yếu: hình thức chính thể và hình thức cấu trúc. Ngoài ra, chế độ chính trị cũng là một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới hình thức nhà nước.

Hình thức chính thể là cách thức tổ chức và trình tự thành lập các cơ quan có quyền lực cao nhất của nhà nước cùng với mối quan hệ giữa các cơ quan đó. Về bản chất, hình thức chính thể là cách tổ chức quyền lực theo chiều ngang. Hình thức chính thể có hai dạng cơ bản là chính thể quân chủ và chính thể cộng hoà. *Chính thể quân chủ* là hình thức chính thể trong đó có sự hiện diện của người đứng đầu nhà nước là vua, hoàng đế, nữ hoàng, quốc trưởng.... Người đứng đầu nhà nước được hình thành theo nguyên tắc thế tập, được nắm toàn bộ quyền lực tối cao của nhà nước (đối với chính thể quân chủ tuyệt đối) hoặc một phần quyền lực nhà nước (đối với chính thể quân chủ hạn chế). *Chính thể cộng hoà* là hình thức chính thể, trong đó người đứng đầu nhà nước được bầu ra theo nhiệm kỳ, quyền lực tối cao của nhà nước thuộc về một cơ quan được bầu ra theo nhiệm kỳ.



Hình thức cấu trúc là sự cấu tạo nhà nước thành các đơn vị hành chính - lãnh thổ và xác lập các mối quan hệ giữa các đơn vị ấy với nhau cũng như giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương với các cơ quan nhà nước ở địa phương. Về bản chất, hình thức cấu trúc là việc tổ chức quyền lực theo chiều dọc. Có hai hình thức cấu trúc nhà nước chủ yếu là hình thức nhà nước đơn nhất và hình thức nhà nước liên bang. *Nhà nước đơn nhất* là nhà nước có chủ quyền chung, có một hệ thống pháp luật thống nhất, có một quốc hội và một hệ thống cơ quan nhà nước thống nhất từ trung ương đến địa phương. *Nhà nước liên bang* là nhà nước được hình thành từ hai hay nhiều bang hợp lại, có sự tồn tại đồng thời của hệ thống cơ quan nhà nước, hệ thống pháp luật chung của liên bang và hệ thống các cơ quan nhà nước, hệ thống pháp luật riêng của từng bang.

Chế độ chính trị là tổng thể các phương pháp, cách thức, phương tiện mà cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước. Phương pháp và cách thức đó trước hết xuất phát từ bản chất của nhà nước, mặt khác còn phụ thuộc vào từng giai đoạn lịch sử của mỗi quốc gia khác nhau. Chế độ chính trị của các nhà nước trong lịch sử rất đa dạng nhưng tựu trung lại thì có hai loại chính: Chế độ dân chủ và chế độ phản dân chủ.

1.2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.1. Bản chất của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiền thân là nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, là kết quả của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, được thành lập ngày 02/09/1945. Sau khi đất nước thống nhất, năm 1976 Quốc hội đã quyết định đổi tên thành nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bản chất của nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện trong những đặc trưng cơ bản sau đây:

1.2.1.1. Nhân dân là chủ thể cao nhất của quyền lực nhà nước

Nhà nước là do nhân dân lập ra, quyền lực nhà nước bắt nguồn từ quyền lực nhân dân và là một phần của quyền lực nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp và thông qua các hình thức dân chủ đại diện.

Đối với hình thức dân chủ đại diện, nhân dân lập ra các cơ quan đại diện, sử dụng quyền lực nhà nước thông qua các cơ quan đại diện này. Điều 6, Hiến pháp 1992 quy định:

“Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân”. Ngoài việc sử dụng quyền lực thông qua các cơ quan nhà nước, nhân dân còn thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

1.2.1.2. Nhà nước là biểu hiện tập trung của khối đại đoàn kết các dân tộc anh em trên lãnh thổ Việt Nam

Có nhiều dân tộc khác nhau cùng sinh sống trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam. Lịch sử dựng nước và giữ nước đã gắn kết các dân tộc lại với nhau, trở thành truyền thống và là nguồn sức mạnh của nhà nước. Điều 5 Hiến pháp năm 1992 đã khẳng định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển về mọi mặt, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số”.



1.2.1.3. Nhà nước thể hiện tính xã hội rộng lớn

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước do nhân dân lập ra có nhiệm vụ bảo vệ và phục vụ nhân dân. Vì vậy, Nhà nước ta luôn thể hiện tính xã hội sâu sắc, quan tâm đến việc bảo vệ những lợi ích chung của toàn xã hội, thực hiện nhiều giải pháp nhằm đảm bảo an sinh xã hội, như các vấn đề: việc làm, thất nghiệp, xoá đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, giúp đỡ người già cô đơn, trẻ mồ côi, phòng chống tệ nạn xã hội...

1.2.1.4. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Nhà nước pháp quyền là nhà nước mà trong đó các cá nhân, tổ chức, kể cả nhà nước đều tuân thủ và chấp hành pháp luật. Điều 2 Hiến pháp 1992 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2001) ghi nhận: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.



Tính chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhà nước ta được thể hiện: Mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức và của mọi công dân đều phải được đặt trong khuôn khổ pháp luật; Nhà nước đã và đang xây dựng một hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, ngày càng hoàn thiện nhằm điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội, trong đó, các đạo luật có vị trí tối thượng; Nhà nước bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của nhân dân thông qua sự quy định và bảo vệ của pháp luật; Quyền lực nhà nước là thống nhất, tập trung nhưng các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp được phân định rõ ràng có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực thi các quyền lực đó.

1.2.1.5. Nhà nước thực hiện chính sách hoà bình, hữu nghị với các nước trên thế giới

Nhà nước ta thực hiện một cách nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế với phương châm “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới”, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Điều 14 Hiến pháp 1992 đã khẳng định: “Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hoà bình, hữu nghị, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị và xã hội khác nhau, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi; tăng cường tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng; tích cực ủng hộ và góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”.

1.2.2. Chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chức năng của nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là những phương diện hoạt động chủ yếu của nhà nước nhằm thực hiện các nhiệm vụ đặt ra cho nhà nước. Căn cứ vào phạm vi hoạt động, chức năng của nhà nước ta được chia thành chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

1.2.2.1. Chức năng đối nội

Chức năng đối nội là những phương diện hoạt động chủ yếu trong nội bộ đất nước như: chức năng kinh tế, chức năng xã hội, chức năng bảo đảm sự ổn định an ninh - chính trị, bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của nhân dân, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội.



1.2.2.2. Chức năng đối ngoại

Chức năng đối ngoại thể hiện những phương diện hoạt động của nhà nước trong quan hệ với các nhà nước trên thế giới, các tổ chức quốc tế và khu vực: Chức năng bảo vệ tổ quốc; thiết lập, củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nước ta với các nước trên thế giới.

1.2.3. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.3.1. Khái niệm

Bộ máy nhà nước là hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc thống nhất, tạo thành một cơ chế đồng bộ để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước.

1.2.3.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thứ nhất, nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Cơ sở của sự thống nhất quyền lực chính là để đảm bảo cho tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Cơ sở của sự phân công quyền lực thể hiện ở chỗ: quyền lực nhà nước được thực hiện thông qua các cơ quan trong bộ máy nhà nước, tuy nhiên

không thể có một cơ quan nào có thể đảm đương được việc thực hiện tất cả quyền lực của Nhà nước mà nếu có tồn tại cơ quan như vậy thì bộ máy Nhà nước cũng chỉ có



duy nhất một cơ quan chứ không cần đến một hệ thống các cơ quan nhà nước. Một cơ sở nữa của sự phân công để quyền lực nhà nước được chuyên môn hoá và thực hiện triệt để. Khi có sự phân công mỗi bộ phận, mỗi cơ quan nhà nước thực hiện một thứ quyền lực, loại quyền lực nhất định thì họ sẽ có thể chuyên môn hoá, thực hiện tốt quyền lực đó. Cơ sở của sự phối hợp là để đảm bảo tính thống nhất quyền lực, để đảm

bảo quyền lực nhà nước sau khi được phân công thì không bị tách ra một cách rời rạc mà được gắn kết với nhau tạo thành một khối quyền lực, tập trung được quyền lực tất cả thuộc về nhân dân.

Nội dung của nguyên tắc “quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” được thể hiện triệt để trong tổ chức hoạt động của từng cơ quan của bộ máy nhà nước và trong cả hệ thống bộ máy nhà nước. Trong bộ máy nhà nước, nguyên tắc trên thể hiện như sau:

- Bộ máy nhà nước Việt Nam là được tổ chức theo nguyên tắc tập quyền, khác với nguyên tắc phân quyền trong các nhà nước tư sản. Quyền lực của Nhà nước Việt Nam cũng bao gồm quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp. Ba lĩnh vực quyền lực đó là một khối thống nhất được nhân dân trao cho Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất, do nhân dân trực tiếp bầu ra. “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (Điều 83, Hiến pháp 1992). Quốc hội là cơ quan đại biểu của nhân dân, cơ quan duy nhất thống nhất mọi quyền lực: Lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quyền lập pháp do Quốc hội trực tiếp đảm nhiệm, quyền hành pháp được giao cho Chính phủ đảm nhiệm, quyền tư pháp được giao cho hệ thống Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân đảm nhiệm. Trong quá trình thực hiện, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Quốc hội, thường xuyên có chế độ báo cáo công tác với Quốc hội, chịu sự chất vấn của Quốc hội, chịu trách nhiệm trước Quốc hội về kết quả thực hiện công việc được giao.
- Hội đồng nhân dân là cơ quan đại biểu ở địa phương, Ủy ban nhân dân là cơ quan hành chính ở địa phương, Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử ở địa phương, Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan kiểm sát ở địa phương. Các cơ quan khác ở địa phương phải báo cáo hoạt động trước Hội đồng nhân dân cùng cấp.
- Trong mối quan hệ giữa địa phương và trung ương, mặc dù có phân công, phân cấp cho chính quyền địa phương, nhưng quyền lực vẫn tập trung, thống nhất về trung ương.

Thứ hai, nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Điều 4 - Hiến Pháp 1992 đã khẳng định “Đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước, và lãnh đạo xã hội”. Cơ sở của nguyên tắc này bắt nguồn từ nguồn gốc hình thành của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

- Đảng có vai trò to lớn, quan trọng đối với sự ra đời và phát triển của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo cuộc kháng chiến thành công lập ra Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ngày 2/ 9/1945. Sau đó tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp đến năm 1954 giành được độc lập ở miền Bắc. Từ 1954 - 1975 Đảng lãnh đạo Nhà nước xây dựng CNXH ở miền Bắc, lãnh đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam. Đến năm 1975 giành được thống nhất đất nước Đảng lại tiếp tục lãnh đạo đất nước tiến lên CNXH. Một số năm gần đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc đổi mới đã đem lại nhiều thành tựu, hứa hẹn một tương lai tốt đẹp.
- Đảng cộng sản Việt Nam là một tổ chức chính trị có nhiều ưu việt để lãnh đạo Nhà nước. Tính ưu việt thể hiện:

- Qua nhiều năm tồn tại, tổ chức Đảng đã trở thành một hệ thống vững chắc, được tổ chức sâu rộng trong quần chúng, từ trung ương tới các địa bàn cơ sở, từ các cơ quan, đơn vị nhà nước đến các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp... đều có thành lập tổ chức đảng với số lượng đảng viên rất lớn;
- Đảng là tập hợp của các đảng viên là những người ưu tú xuất sắc, được lựa chọn ra từ quần chúng cơ sở. Không những thế, các đảng viên còn được tổ chức Đảng đào tạo, được trang bị những kiến thức lý luận, được bồi dưỡng, thử thách trong thực tiễn càng làm cho các đảng viên trở thành những người vừa hồng, vừa chuyên;
- Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng chính trị tiên tiến nhất được vũ trang bằng lý luận khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Với những tri thức khoa học đó, Đảng đề ra những đường lối, chính sách phát triển xã hội phù hợp với quy luật và có đầy đủ khả năng để tổ chức thực hiện thành công đường lối, chính sách đó;
- Bằng thực tiễn đấu tranh kiên cường trong hơn ba phần tư thế kỷ qua, với những hy sinh và những cống hiến lớn lao cho dân tộc, Đảng ta đã củng cố được lòng tin của tuyệt đại đa số nhân dân. Do đó, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị có cơ sở vững chắc về tình cảm và tinh thần mà các tổ chức khác không thể nào có được;
- Là một chính đảng kiên trì đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, Đảng Cộng sản Việt nam đã có uy tín quốc tế lớn và được sự đoàn kết, giúp đỡ của các quốc gia và dân tộc trên thế giới. điều đó có tác dụng quan trọng trong việc khẳng định vai trò của Đảng đối với hệ thống chính trị nước ta.



Đảng cộng sản lãnh đạo đối với Nhà nước được thể hiện thông qua các nội dung: Đảng vạch ra đường lối, chủ trương, phương hướng lớn cho Nhà nước, sau đó Nhà nước sẽ thực hiện các đường lối, phương hướng đó dưới sự kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo của Đảng; Đảng lãnh đạo bằng các tổ chức đảng và các đảng viên là hạt nhân tiên phong trong các cơ quan, đơn vị Nhà nước; Đảng đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ, công chức tăng cường cho Nhà nước.

Thứ ba, nguyên tắc bảo đảm sự tham gia của nhân dân vào hoạt động quản lý của nhà nước. Nguyên tắc này được quy định trong Điều 53 Hiến pháp năm 1992: “Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với cơ quan nhà nước, biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân”. Cơ sở của



nguyên tắc này là để đảm bảo nhân dân là chủ thể của quyền lực của Nhà nước - tức để quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Một cơ sở nữa chính là để đảm bảo tính dân chủ trong việc thực hiện quyền lực nhà nước. Nguyên tắc này không những có ý nghĩa trong việc tạo điều kiện phát huy trí tuệ của nhân dân vào công việc quản lý nhà nước mà còn là phương tiện hữu hiệu để ngăn chặn tệ quan liêu, cửa quyền, tham nhũng của cá nhân và tổ chức trong bộ máy nhà nước.

Căn cứ vào cách thức tham gia của nhân dân vào việc thực hiện quyền lực nhà nước người ta chia ra thành 2 loại: Nhân dân trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước (hình thức dân chủ trực tiếp) và nhân dân gián tiếp thực hiện quyền lực Nhà nước (hình thức dân chủ gián tiếp, dân chủ đại diện).

- Việc nhân dân thực hiện quyền lực trực tiếp thông qua các hình thức: nhân dân thông qua bầu cử quyết định nhân sự của các cơ quan đại diện; thảo luận, đóng góp ý kiến vào những vấn đề của nhà nước trưng cầu dân ý; trực tiếp đứng ra giải quyết những công việc ở địa bàn cơ sở khi không cần có sự can thiệp của các cơ quan nhà nước; kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức Nhà nước, các cá nhân, tổ chức khác được trao thực hiện quyền lực nhà nước...
- Nhân dân thực hiện quyền lực gián tiếp thông qua các hình thức: Nhân dân bầu ra các cơ quan nhà nước để đại diện cho nhân dân, thay mặt cho nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước. Cụ thể nhân dân trực tiếp bầu ra Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp sau đó Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp lập ra các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước. Kết quả sẽ tạo ra bộ máy nhà nước thực hiện quyền lực do nhân dân giao phó.

Thứ tư, nguyên tắc tập trung dân chủ. Nguyên tắc này được quy định trong Điều 6 Hiến pháp năm 1992: “Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ”. Nguyên tắc này là sự phối hợp hài hòa của tính tập trung và dân chủ. Tập trung là sự thể hiện, sự đòi hỏi thống nhất quyền lực về một mối; trong khi đó dân chủ là sự thể hiện việc, mức độ tham gia của nhân dân vào việc thực hiện quyền lực nhà nước. Kết hợp đúng đắn tập trung và dân chủ là yếu tố quyết định sức mạnh tổ chức và hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước ta.



Cơ sở của nguyên tắc này thể hiện ở một số điểm sau: Để kết hợp hài hòa và phát huy được sự sáng tạo, sức mạnh của tập thể và của từng cá nhân, của cả nước và địa phương cơ sở, của từng tổ chức và cả hệ thống Bộ máy nhà nước. Nhiều khi để giải quyết công việc thì từng cá nhân đơn lẻ không thể làm được mà phải phát huy sự sáng tạo,

sức mạnh của tập thể, nhiều khi lại không nên dùng các sức mạnh tập thể mà chỉ dùng đến sự quyết định cá nhân; Kết hợp được sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của trung ương và các cơ quan nhà nước cấp trên đối với hoạt động tự chủ, sáng tạo năng động của địa phương và cơ quan nhà nước cấp dưới; Khắc phục được tệ nạn quan liêu, phân tán cục bộ.

Nguyên tắc tập trung dân chủ được thể hiện trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta như sau: Thiếu số phải phục đa số, cá nhân phục tùng tập thể, mọi người phải phục tùng người chỉ huy trong các cơ quan nhà nước; Các cơ quan cấp dưới phải phục tùng cơ quan nhà nước cấp trên, các cấp chính quyền địa phương phải phục tùng cơ quan nhà nước ở trung ương; Các cơ quan hành chính nhà nước, toà án, kiểm sát đều phải do cơ quan quyền lực nhà nước bầu ra, phải chịu trách nhiệm trước cơ quan đó; Tăng cường quản lý tập trung thống nhất của trung ương, kết hợp với sự phân cấp hợp lý để tăng cường và phát huy tính chủ động, sáng tạo của chính quyền địa phương cơ sở; Cấp trên phải thường xuyên kiểm tra cấp dưới trong việc thực hiện các quyết định, mệnh lệnh của các cơ quan nhà nước cấp trên; Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo thường xuyên giữa cấp trên và cấp dưới; Phải dân chủ hoá mọi hoạt động của Nhà nước, tổ chức cho nhân dân bầu ra các cơ quan quyền lực từ trung ương đến cơ sở thực hiện chế độ thường xuyên báo cáo trước cử tri; Đảm bảo kỷ luật nghiêm minh trong các tổ chức để chống quan liêu, phân tán, cục bộ...

Thứ năm, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. "Sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật" đã trở thành khẩu hiệu quen thuộc ở nhà nước ta. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa được áp dụng trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước nhằm bảo đảm các cơ quan nhà nước, các cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đều phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tuân thủ pháp luật. Thực hiện tốt nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo cho sự hoạt động bình thường của bộ máy nhà nước, phát huy hiệu lực của quản lý nhà nước, bảo đảm công bằng xã hội. Điều 12, Hiến pháp năm 1992 quy định: "Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật. Mọi hành động xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân đều bị xử lý theo pháp luật".

1.2.3.3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Theo Hiến pháp năm 1992 (đã sửa đổi, bổ sung), Bộ máy nhà nước ta bao gồm các cơ quan nhà nước: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

Quốc hội

Vị trí pháp lý của Quốc hội được quy định tại Điều 83, Hiến pháp 1992: "Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, Quốc hội do cử tri cả nước bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Quốc hội biểu hiện tập trung khối đại đoàn kết toàn dân, bao gồm các

đại biểu đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân và cho các vùng lãnh thổ trong cả nước. Là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội thống nhất tập trung toàn bộ quyền lực nhà nước (Quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp); Quốc hội thay mặt nhân dân cả nước quyết định những công việc quan trọng, trọng đại nhất của đất nước. Thẩm quyền của Quốc hội được quy định tại Điều 84, Hiến pháp năm 1992 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2001) và Điều 2, Luật tổ chức Quốc hội ngày 25/12/2001. Thẩm quyền của Quốc hội có thể chia thành ba nhóm quyền:

- **Quyền lập hiến và lập pháp.** Đó là quyền thông qua Hiến pháp và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, thông qua luật và sửa đổi, bổ sung luật. Quốc hội xem xét, thông qua các đạo luật tại một hoặc nhiều kỳ họp Quốc hội.
- **Quyền quyết định những vấn đề quan trọng, trọng đại nhất của đất nước.** Những vấn đề quan trọng như : kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quyết định chính sách dân tộc, tôn giáo của nhà nước; quy định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ cao cấp của nhà nước; quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; quyết định các chính sách đối ngoại của nhà nước và nhiều vấn đề quan trọng khác.
- **Quyền giám sát tối cao đối với các cơ quan trong bộ máy nhà nước.** Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao thông qua các hình thức giám sát tại kỳ họp Quốc hội và hoạt động giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội.



Thông thường nhiệm kỳ mỗi khoá Quốc hội là *năm năm*. Trong suốt nhiệm kỳ Quốc hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình thông qua các hình thức hoạt động: Hoạt động của tập thể Quốc hội (Kỳ họp Quốc hội); hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và Đại biểu Quốc hội.

- **Kỳ họp Quốc hội.** Quốc hội Việt Nam họp thường lệ mỗi năm 2 kỳ do Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập. Các cuộc họp của Quốc hội đều công khai, một số được truyền hình trực tiếp, phát sóng toàn quốc và ra nước ngoài. Quốc hội cũng có thể họp kín theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ hoặc của ít nhất 1/3 tổng số đại biểu Quốc hội. Thành viên của Chính phủ không phải là đại biểu Quốc hội được mời tham dự các phiên họp toàn thể của Quốc hội. Đại diện cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang, cơ quan báo chí, công dân và khách quốc tế có thể được mời dự các phiên họp công khai của Quốc hội. Tại kỳ họp, Quốc hội thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Một số quyết định quan trọng nhất thiết phải được quyết định tại kỳ họp của Quốc hội như thảo luận và thông qua các đạo luật, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của đất nước; xem xét, thảo luận báo cáo công tác của các

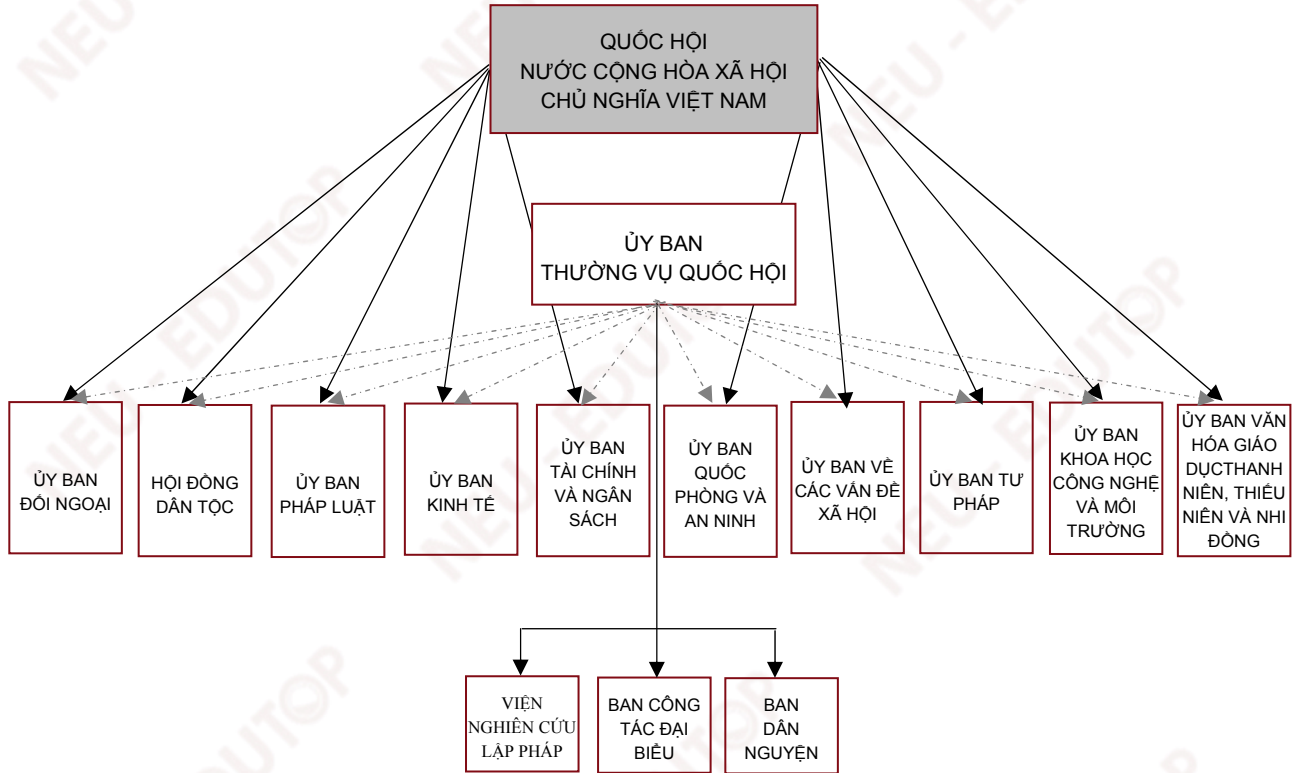


cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp cao nhất, bầu các chức danh cao nhất của nhà nước...

- **Hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH).** Đây là dạng hoạt động thường trực của Quốc hội. Nhiệm kỳ của UBTVQH theo nhiệm kỳ của Quốc hội. UBTVQH họp ít nhất mỗi tháng 1 lần. Chủ tịch Quốc hội dự kiến chương trình làm việc, chỉ đạo việc chuẩn bị, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của UBTVQH. UBTVQH làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện những công việc do Quốc hội giao.
- **Hoạt động của Chủ tịch Quốc hội.** Chủ tịch Quốc hội có vị trí rất quan trọng trong tổ chức của Quốc hội cũng như Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội chủ tọa các phiên họp của Quốc hội, là người chủ trì và điều hành các hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tổ chức việc thực hiện quan hệ đối ngoại của Quốc hội, giữ quan hệ với các đại biểu Quốc hội.
- **Hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.** Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội là các cơ quan của Quốc hội, do Quốc hội bầu ra, làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số. Hội đồng dân tộc nghiên cứu và kiến nghị với Quốc hội những vấn đề về dân tộc; thực hiện quyền giám sát việc thi hành chính sách dân tộc, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng có đồng bào dân tộc thiểu số. Các Ủy ban của Quốc hội nghiên cứu, thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh và dự án khác, những báo cáo được Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ý kiến về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; thực hiện quyền giám sát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do luật định; kiến nghị những vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Ủy ban. Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có quyền kiến nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét trình Quốc hội việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.
- **Hoạt động của các Đại biểu Quốc hội.** Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, không chỉ đại diện cho nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình mà còn đại diện cho nhân dân cả nước; là người thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội. Đại biểu Quốc hội có quyền trình dự án luật, kiến nghị về luật trước Quốc hội, dự án pháp lệnh trước ủy ban thường vụ Quốc hội; có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, các thành viên của Chính phủ, Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao; có quyền kiến nghị với ủy ban thường vụ Quốc hội việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.
- **Hoạt động của các đoàn đại biểu Quốc hội.** Các đại biểu Quốc hội được bầu ra trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hợp lại thành đoàn địa biểu Quốc hội. Đoàn đại biểu Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ: Tổ chức việc tiếp công dân của đại biểu Quốc hội; phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở địa phương tổ chức để đại biểu Quốc hội



tiếp xúc cử tri; Tổ chức để các đại biểu Quốc hội thảo luận về dự án luật, dự án pháp lệnh và các dự án khác, dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội theo yêu cầu của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân mà đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội đã chuyển đến cơ quan, tổ chức; Tổ chức để đại biểu Quốc hội giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương; Báo cáo với Ủy ban thường vụ Quốc hội về tình hình hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội.



Chủ tịch nước

Vị trí pháp lý của Chủ tịch nước được quy định tại Điều 101 Hiến pháp 1992: “Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại”.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước được quy định tại Điều 103 Hiến pháp 1992, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001.

Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội và có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Chủ tịch nước đề nghị danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh trình Quốc hội phê chuẩn. Hội đồng quốc phòng và an ninh gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh không thiết là đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh. Hội đồng quốc phòng và an ninh có nhiệm vụ động viên mọi lực lượng và khả năng của nước nhà để bảo vệ Tổ quốc. Trong trường hợp có chiến tranh, Quốc hội có thể giao cho Hội đồng quốc phòng và an ninh những thẩm quyền đặc biệt.

Chính phủ

Vị trí pháp lý của Chính phủ được quy định tại Điều 109 Hiến pháp 1992: “Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Là cơ quan chấp hành của Quốc hội, Chính phủ do Quốc hội thành lập, được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện các văn bản của Quốc hội, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Quốc



hội, phải báo cáo công tác trước Quốc hội, chịu sự chất vấn của Quốc hội, chịu trách nhiệm trước Quốc hội về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; bảo đảm hiệu lực bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Thẩm quyền của Chính phủ được quy định tại Điều 112 Hiến pháp 1992 (đã sửa đổi, bổ sung) và được quy định chi tiết trong Luật Tổ chức Chính phủ 2001, bao gồm các nhóm quyền sau: Quyền lãnh đạo công tác của các Bộ, các cơ quan ngang Bộ và các cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp; Thống nhất quản lý các mặt của đời sống xã hội trên phạm vi cả nước; Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Chính phủ do Quốc hội lập ra, có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Chính phủ gồm có các thành viên Chính phủ: Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ. Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ, do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội, chịu trách nhiệm trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước. Phó Thủ tướng giúp Thủ tướng làm nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ tướng. Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, là thành viên của Chính phủ, đồng thời là người đứng đầu và lãnh đạo một Bộ, cơ quan ngang Bộ, hoặc phụ trách một số công tác của Chính phủ; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng, trước Quốc hội về quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực trong phạm vi cả nước hoặc về công tác được giao phụ trách. Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị về việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

Chính phủ có cơ cấu gồm Bộ và các cơ quan ngang Bộ. Bộ, cơ quan ngang Bộ là cơ quan của Chính phủ, do Quốc hội quyết định thành lập hoặc bãi bỏ theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, hoặc lĩnh vực công tác trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực; thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật. Hiện nay, bộ máy nhà nước ta gồm có 18 Bộ: Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Ngoại giao; Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ Công thương; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Giao thông vận tải; Xây dựng; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Nội vụ; Bộ Y tế; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cơ quan ngang Bộ gồm có: Thanh tra Chính phủ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy ban Dân tộc; Văn phòng Chính phủ.

Chính phủ còn thành lập thêm một số *cơ quan thuộc Chính phủ* có chức năng thực hiện một số thẩm quyền quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực và thực hiện một số thẩm quyền cụ thể về đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật. Cơ quan thuộc Chính phủ không thuộc cơ cấu tổ chức của Chính phủ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ không phải là thành viên Chính phủ. Hiện nay có các cơ quan thuộc chính phủ, như: Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam; Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh; Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Vị trí pháp lý của Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 119 Hiến pháp 1992: “Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên”.

Hội đồng nhân dân các cấp có các thẩm quyền:

- Quyết định những chủ trương, biện pháp quan trọng để phát huy tiềm năng của địa phương, xây dựng và phát triển địa phương về kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương, làm tròn nghĩa vụ của địa phương đối với cả nước.
- Giám sát đối với hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, giám sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở địa phương.



Hội đồng nhân dân do nhân dân địa phương bầu ra có nhiệm kỳ thông thường là *năm năm*. Hội đồng nhân dân các cấp có Thường trực Hội đồng nhân dân. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có các ban của Hội đồng nhân dân. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có *ba ban*: Ban kinh tế và ngân sách, Ban văn hoá - xã hội, Ban pháp chế; nơi nào có nhiều dân tộc thì có thể thành lập Ban dân tộc. Hội đồng nhân dân cấp huyện thành lập *hai ban*: Ban kinh tế - xã hội, Ban pháp chế. Hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp Hội đồng nhân dân, hiệu quả hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và của các đại biểu Hội đồng nhân dân.

Vị trí pháp lý của Ủy ban nhân dân được quy định tại Điều 123 Hiến pháp 1992: “*Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu ra là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, Luật, các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân*”. Là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản của Hội đồng nhân dân, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phải thường xuyên

báo cáo công tác với Hội đồng nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân, chịu sự chất vấn của Hội đồng nhân dân, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân về kết quả thực hiện công việc được giao. Là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, Ủy ban nhân dân thực hiện quyền quản lý các mặt của đời sống xã hội trên phạm vi địa bàn.



Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban nhân dân các cấp được quy định trong Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2003.

Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu ra, có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân. Ủy ban nhân dân gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và ủy

viên. Chủ tịch Ủy ban nhân dân là đại biểu Hội đồng nhân dân; các thành viên khác của Ủy ban nhân dân không nhất thiết là đại biểu Hội đồng nhân dân. Kết quả bầu các thành viên Ủy ban nhân dân phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn; kết quả bầu thành viên của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn.

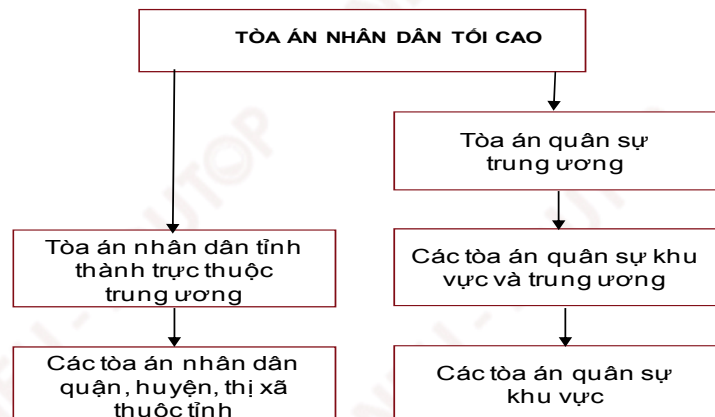
Ủy ban nhân dân thành lập các *cơ quan chuyên môn* thuộc Ủy ban nhân dân. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự uỷ quyền của Ủy ban nhân dân cùng cấp và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác từ trung ương đến cơ sở.

Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chức năng chính của Tòa án nhân dân là xét xử các vụ án về hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh tế, lao động, hành chính. Ngoài chức năng xét xử, Tòa án nhân dân còn thực hiện chức năng giải quyết một số vụ việc khác, như: Giải quyết việc yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp; giải quyết việc yêu cầu tuyên bố hủy phán quyết trọng tài thương mại; giải quyết việc yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự, tuyên bố một người là mất tích, chết; giải quyết việc yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của cơ quan tài phán nước ngoài...

Hệ thống các Tòa án nhân dân ở nước ta bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao; Các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Tòa án nhân dân cấp tỉnh); Các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Tòa án nhân dân cấp huyện); Các Tòa án quân sự; Các Tòa án khác do luật định. Trong tình hình đặc

biệt, Quốc hội có thể quyết định thành lập Tòa án đặc biệt.



Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tòa án nhân dân tối cao có Chánh án, các Phó chánh án, Thẩm phán, Thư ký toà án. Chánh án Toà án nhân dân tối cao do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước. Nhiệm kỳ của Chánh án Toà án nhân dân tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Phó chánh án và Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm theo đề nghị của các Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán.

Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có Chánh án, các Phó Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án. Chánh án và Phó Chánh các Tòa án nhân dân cấp tỉnh do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao bổ nhiệm sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân địa phương.

Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có Chánh án, một hoặc hai Phó Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án. Chánh án và Phó Chánh các Tòa án nhân dân cấp huyện do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao bổ nhiệm sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân địa phương.

Cơ cấu tổ chức của các tòa án quân sự gồm có: Tòa án quân sự trung ương; Tòa án quân sự quân khu và tương đương; các Tòa án quân sự khu vực.

Vị trí pháp lý của Viện kiểm sát nhân dân được quy định tại Điều 137 Hiến pháp 1992 (đã sửa đổi, bổ sung): "Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan Nhà nước thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định nhằm góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất".

Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân gồm có: Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Các Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh); Các Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện); Các Viện kiểm sát quân sự.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao gồm có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng, các Kiểm sát viên và các Điều tra viên. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội, chịu sự giám sát của Quốc hội, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước. Phó Viện trưởng và Kiểm sát viên, điều tra viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.



Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng và các Kiểm sát viên. Viện trưởng, Phó viện trưởng, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đều do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gồm có các bộ phận công tác và bộ máy giúp việc do Viện trưởng, các Phó Viện trưởng phụ trách. Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gồm có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng và các Kiểm sát viên. Các chức danh khác của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện (Viện trưởng, Phó viện trưởng, Kiểm sát viên) đều do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm.

Các Viện kiểm sát quân sự gồm có Viện kiểm sát quân sự Trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Viện kiểm sát quân sự khu vực. Căn cứ vào nhiệm vụ của quân đội trong từng thời kỳ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống nhất với Bộ trưởng Bộ quốc phòng và trình ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc thành lập Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Viện kiểm sát quân sự khu vực. Viện kiểm sát quân sự trung ương thuộc cơ cấu Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương là Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, có nhiệm vụ chỉ đạo hoạt động của Viện kiểm sát quân sự các cấp, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác kiểm sát trong Quân đội trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

1.2.3.4. Phân loại các cơ quan trong bộ máy nhà nước

Phân loại theo tính chất quyền lực

Bộ máy nhà nước được phân chia thành các cơ quan quyền lực, cơ quan quản lý, cơ quan xét xử và cơ quan kiểm sát. Trong đó, các cơ quan quyền lực nhà nước, hay còn gọi là các cơ quan đại diện, do nhân dân trực tiếp bầu ra, nhân danh nhân dân để thể hiện và thực thi quyền lực, phải chịu trách nhiệm và báo cáo trước cử tri về mọi hoạt động của mình. Tất cả các cơ quan nhà nước khác đều do cơ quan quyền lực trực tiếp hoặc gián tiếp thành lập ra và chịu sự giám sát của các cơ quan quyền lực nhà nước. Hiện nay, cơ quan quyền lực nhà nước gồm có Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Các cơ quan quản lý nhà nước, còn gọi là các cơ quan hành chính nhà nước là những cơ quan quản lý mọi mặt hoạt động của đất nước, là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước. Cơ quan quản lý nhà nước gồm có Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Các cơ quan xét xử là những cơ quan có chức năng đặc thù. Tính đặc thù của chúng thể hiện ở chỗ chúng phải báo cáo hoạt động trước cơ quan quyền lực nhà nước, nhưng trong hoạt động lại độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Các cơ quan này có chức năng chính là nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xét xử các loại vụ án, ngoài chức năng xét xử, chúng còn thực hiện giải quyết một số loại vụ việc khác theo quy định của pháp luật. Hệ thống các cơ quan xét xử trong bộ máy nhà nước ta gồm có Tòa án nhân dân tối cao, tòa án nhân dân tỉnh, tòa án nhân dân huyện, các tòa án quân sự và có thể có tòa án đặc biệt do Quốc hội thành lập.

Các cơ quan kiểm sát là các cơ quan có chức năng thực hiện quyền công tố và kiểm sát đối với hoạt động tư pháp. Hệ thống cơ quan kiểm sát của nhà nước ta gồm có Viện kiểm sát nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và các viện kiểm sát quân sự.

Phân loại theo cấu trúc hành chính, lãnh thổ

Khi phân loại theo cấu trúc hành chính lãnh thổ, bộ máy nhà nước được chia thành các cơ quan nhà nước ở trung ương và các cơ quan nhà nước ở địa phương. Các cơ quan nhà nước ở trung ương có khả năng thực hiện thẩm quyền của mình trên phạm vi toàn bộ lãnh thổ, các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan này thường được áp dụng trên phạm vi toàn bộ lãnh thổ. Trong khi đó, các cơ quan ở địa phương chỉ có thẩm quyền trong phạm vi hành chính lãnh thổ của địa phương mình. Cơ quan nhà nước ở trung ương hiện nay gồm có: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Cơ quan nhà nước ở địa phương gồm có Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, toà án nhân dân địa phương, viện kiểm sát nhân dân địa phương.

Phân loại theo tính chất thẩm quyền

Theo tính chất thẩm quyền, các cơ quan trong bộ máy nhà nước được chia thành các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chung và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền riêng. Đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chung, các cơ quan nhà nước này có quyền xem xét, quyết định những vấn đề thuộc bất cứ lĩnh vực nào. Trong khi đó, các cơ quan có thẩm quyền riêng, hay còn gọi là thẩm quyền chuyên môn, chỉ được quyết định những vấn đề thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực chuyên môn của mình. Cơ quan có thẩm quyền chung, như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Các cơ quan có thẩm quyền riêng như: Bộ sở phòng, ban...

Phân loại theo chế độ hoạt động

Theo chế độ hoạt động, các cơ quan trong bộ máy nhà nước được chia thành hai loại, các cơ quan hoạt động theo chế độ thủ trưởng lãnh đạo và các cơ quan hoạt động theo chế độ tập thể lãnh đạo. Trong chế độ tập thể lãnh đạo, khi quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền phải có sự bàn bạc, trao đổi của tập thể và quyết định bằng biểu quyết theo đa số. Trong chế độ thủ trưởng lãnh đạo, khi quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền, không phải thông qua biểu quyết mà người thủ trưởng của cơ quan ấy tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định đó. Các cơ quan nhà nước hoạt động theo chế độ tập thể như: Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Các cơ quan làm việc theo chế độ thủ trưởng lãnh đạo như Bộ, cơ quan ngang Bộ, Viện kiểm sát nhân dân.

Tóm lược cuối bài

Theo học thuyết Mác – Lê Nin, nhà nước sản phẩm của xã hội có giai cấp, do giai cấp thống trị trong xã hội lập ra nhằm để thiết lập trật tự, ổn định của đời sống xã hội, bảo vệ địa vị và quyền lợi cho giai cấp thống trị.

Trong lịch sử, mỗi nhà nước với bản chất gắn liền với kiểu nhà nước và cách thức tổ chức bộ máy nhà nước để thực hiện quyền lực nhà nước có thể khác nhau. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời từ truyền thống đấu tranh giành độc lập dân tộc, thể hiện tính nhân dân sâu sắc.

Hệ thống các cơ quan nhà nước theo Hiến pháp 1992, được sửa đổi năm 2001, bao gồm các cơ quan như: Quốc Hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao... Mỗi cơ quan với vị trí, cơ cấu tổ chức, thẩm quyền do pháp luật quy định theo những nguyên tắc thống nhất nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mà nhà nước đặt ra.